lao động và hiệu quả sản xuất.

degree and who underwent training. If this trend remains unchanged it would make difficulty for requiring scientific breakthrough for increasing labour productivity and production efficiencies.

Ngay cả với hai vùng có các tỷ lệ này cao nhất là Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam bộ, thì mức độ "cao nhất" đó cũng còn xa so với yêu cầu của phát triển sản xuất ở hai vùng này.

Even two regions with the biggest proportion were Red River Delta and Southeast, that highest proportion was not enough to satisfy development of production in those regions.

3.2 Việc làm

3.2 Employment

Trong những năm đầu của thế kỷ XXI, nền kinh tế nước ta từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Những chuyển dịch quan trọng đó kết hợp với việc ngày càng nâng cao trình độ trong lực lượng lao động trong thời gian qua đã làm thay đổi cơ cấu và phân bố lao động có việc làm.

Vietnam's economy has undergone significant changes in the early twenty-first century. These important changes coupled with the educational improvement in the labour force over time have altered the structure and distribution of employed persons.

Phần lớn lực lượng lao động là có việc làm, số thất nghiệp chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ. Vì vậy, các đặc trưng cơ bản của lao động có việc làm như tình trạng hôn nhân, học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật, v.v... sẽ đóng góp phần quyết định các đặc trưng của lực lượng lao động mà ta đã nghiên cứu ở mục trước. Phần trình bày dưới đây chủ yếu đề cập những vấn đề riêng về lao động có việc làm.

The majority of the labour force was composed of employed persons while unemployed persons constituted just a small share. Therefore, the basic characteristics of employed persons such as marital status, educational attainment, qualification or technical level, etc contribute to define the basic characteristics of the labor force that we mentioned in the previous section. The section hereafter will focus on the specificities of the employed population.

3.2.1 Tỷ lệ lao động có việc làm

3.2.1 Employment rate

Hình 3.4 trình bày tỷ lệ lao động có việc làm trong dân số từ 15 tuổi trở lên qua các năm từ 1998 đến 2008. Tỷ lệ có việc

Figure 3.4 presents the employment rate of the population aged 15 and over from 1998 to 2008. The employment rate,

PDF compression, OCR, web optimization using a watermarked evaluation copy of CVISION PDFCompressor